TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH HOÀ BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 103/2018/QĐST-HNGĐ	*T.P. H, ngày 05 tháng 6 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN
THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 143/2018/TLST-HNGĐ ngày 22/5/2018, về việc ly hôn, giữa các đương sự:

1/ Nguyễn đơn: anh Đỗ Đức Th, sinh năm 1981;
ĐKNKTT: XXX (Địa chỉ: xóm TS, xã TN, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình);
Nơi ở: tổ 12, phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

2/ Bị đơn: chị Bùi Thị Thu H, sinh năm 1980;
ĐKNKTT: tổ XX, phường HN, thành phố H, tỉnh Hòa Bình;
Nơi ở: XX 12, phường TTh, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

3/ Người liên quan: Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV)
Đại diện theo ủy quyền: Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Hòa Bình.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành đã lập;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành đã lập là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật; không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đỗ Đức Th và chị Bùi Thị Thu H.

II. Công nhận sự thoả thuận khác của các đương sự cụ thể như sau:

1/ Về con chung: giao cả hai con là Đỗ Gia H, sinh ngày 03/3/2007 và Đỗ Mai Ph, sinh ngày 16/02/2011 cho bố là Đỗ Đức Th trực tiếp nuôi dưỡng. Mẹ là Bùi Thị Thu H chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

2/ Về tài sản chung: anh Th, chị H có 01 mảnh đất, tại địa chỉ số 59, ngách 22/2 đường LTT, tổ XX, phường T, thành phố H. Trên đất đã xây dựng được 01 ngôi nhà 02 tầng + 01 tum.

Nay chia cho chị Bùi Thị Thu H sử dụng toàn bộ thửa đất trên và được quyền sở hữu toàn bộ nhà ở, công trình kiến trúc, các tài sản khác gắn liền với thửa đất đó (Từ trước khi đến Tòa, anh Th, chị H đã tự nguyện thỏa thuận chia như trên và đề nghị Tòa án công nhận).

Các đương sự thống nhất vợ chồng không còn tài sản chung nào khác, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3/ Về công nợ chung:

Các đương sự thống nhất: anh Đỗ Đức Th, chị Bùi Thị Thu H ký hợp đồng tín dụng số 01/2017/10595465 với Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - BIDV (Đại diện theo ủy quyền là BIDV chi nhánh Hòa Bình) và được BIDV giải ngân cho vay 600 triệu đồng. Để đảm bảo khoản vay anh Th, chị H đã thế chấp cho BIDV Hòa Bình quyền sử dụng đất mảnh đất, tại địa chỉ: số XX, ngách 22/2 đường LTT, tổ XX, phường T, thành phố H và quyền sở hữu nhà, các tài sản khác gắn liền với thửa đất đó.

Đến ngày 24/5/2018, dư nợ gốc còn 583.250.000 đồng (Năm trăm tám mươi ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Lãi đã trả đến ngày 10/5/2018.

Nay giao cho chị Bùi Thị Thu H nghĩa vụ tiếp tục thực hiện hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp tài sản đã ký với BIDV (Theo đúng thỏa thuận ghi trong hợp đồng và phù hợp pháp luật). Hàng tháng BIDV (Đại diện theo ủy quyền là BIDV Hòa Bình) thực hiện việc thu nợ bằng hình thức khấu trừ từ nguồn lương của chị Bùi Thị Thu H, do cơ quan, đơn vị nơi chị H công tác chi trả.

4. Về án phí : Các đương sự thỏa thuận để anh Đỗ Đức Th chịu toàn bộ 150.000 đồng án phí ly hôn; đối trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hòa Bình, theo biên lai thu tiền số 0005199 ngày 22/5/2018, nay được trả lại 150.000 đồng còn thừa.

III. Quyết định có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Hữu Ngà